

STT	Mí S	H Vĩ TcN	hĩ MTBC	XLHT	hĩ MRcNLUY N	S MBN < 5	K LU T	Xc T THEO QUY CH	Qh C AH Iữ NG	Th nghi m V t l l L i c ng	Th t k C u	Th t k L ng l o th	Th t k ã ng Đ o	Th t k X y d ng C ng	Th y l c ã Th y v h	Th c h o h tr c L a	Th c t p c o ng nh n x y d ng c u l c ng	Th c t p H o	Th c t p k h o s t h i t k v o l u th u	Th c t p t t ng h i p	Tr c L a	V t l l u x y d ng	V t l l L i c ng	V k thu t c o ng tr p h	X l l q u h u ng t r o ng x y d ng	K h a l u n i t ng h i p	
										1	4	3	4	2	2	2	4	1	2	4	3	3	4	2	2	5	
1	3471010004	Nguy n V Nĩ	Ánh	6.75	TB khá	100				5.0	7.3	8.1	6.2	6.4	6.3	8.0	8.0	6.0	8.0	8.0	6.8	6.3	6.0	7.2	7.7		
2	3471010020	Nguy n ã jnh	B o	6.55	TB khá	74				5.0	5.0	7.7	5.9	5.7	5.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	6.3	5.1	6.0	5.5	6.6		
3	3471010017	Ph m V Nĩ	B c	6.17	TB khá	70				5.0	6.6	7.9	5.1	6.4	5.6	7.0	8.0	6.0	9.0	7.0	5.2	5.2	6.0	7.3	5.6		
4	3471010034	Lê	Chinh	6.12	TB khá	74				5.0	7.8	7.2	5.0	7.4	8.4	6.0	8.0	7.0	5.0	6.0	5.0	5.5	5.8	5.9	7.7		
5	3471010074	Nguy n ã jnh	D ng	6.85	TB khá	100				5.0	6.6		7.0	5.6	5.6	7.0	9.0	7.0	7.0	8.0	7.1	6.1	5.0	7.2	6.9	8.3	
6	3471010082	L² T n	ñ t	6.67	TB khá	99				6.0	8.4	7.9	7.7	8.7	5.6	6.0	7.0	8.0	5.0	7.0	5.0	5.9	5.0	8.6	7.0		
7	3471010108	V I Oĩ jnh	Hà	6.24	TB khá	71				6.0	7.4	6.6	6.7	7.0	5.3	7.0	6.0	7.0	5.0	6.0	5.6	6.3	5.5	6.6	5.6		
8	3471010111	Nguy n ã c	H i	6.21	TB khá	71				6.0	4.5		7.6	6.0	6.7	7.0	8.0	7.0	6.0		6.5	5.6	5.0	6.2	7.0		
9	3471010113	L² ã c	Hĩ n	6.88	TB khá	100				5.0	7.7		6.1	8.4	7.6	5.0	10	8.0	6.0	7.0	6.3	7.3	5.0	7.6	6.6	9.0	
10	3471010125	V I O K uª n	Hoà	7.08	Khá	92				5.0	5.5		7.4	5.3	6.6	5.0	9.0	6.0	7.0	8.0	8.3	7.2	5.0	8.6	6.3	8.3	
11	3471010153	Nguy n B´	H ng	6.66	TB khá	100				5.0	6.2		7.3	5.3	6.0	6.0	8.0	7.0	8.0	7.0	8.7	6.6	6.0	7.2	6.6	8.5	
12	3471010158	Ngô Xuân	H u	4.75	Y u	69				6.0	3.6		7.1	7.4	5.0	7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	3.8	3.5	5.0	0.0	6.3		
13	3471010163	Nguy n V Nĩ	Khánh	7.13	Khá	100				5.0	5.8		8.9	7.7	7.6	6.0	9.0	7.0	8.0	8.0	7.6	5.1	5.0	8.3	7.0	8.8	
14	3471010179	L² ã jnh	L Nĩng	6.52	TB khá	73				5.0	8.4		5.8	8.0	5.2	5.0	6.0	7.0	8.0	8.0	6.3	5.8	5.0	8.6	5.6	8.3	
15	3471010207	Tr nh ã c	M nh	6.51	TB khá	73				5.0	5.5	6.8	6.5	5.7	4.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	6.0	5.5	6.0	5.9	7.0		
16	3471010210	Huunh Quang	Minh	6.09	TB khá	75				6.0	5.4	6.7	8.0	5.7	6.0	5.0	7.0	7.0	5.0	8.0	6.6	7.3	5.0	7.6	7.0		
17	3471010211	Nguy n ã c	Minh	4.42	Y u	73				0.0	4.3	6.6	3.3	3.6	2.5	5.0	6.0	6.0	6.0	6.0	3.3	3.5	4.0	0.0	6.3		
18	3471010220	Bùi Thanh	Nghĩ	7.28	Khá	100				5.0	6.9		7.7	8.0	7.9	6.0	9.0	6.0	8.0	8.0	7.5	7.3	5.0	8.3	7.0	8.6	
19	3471010243	H Thanh	Phong	6.60	TB khá	72				5.0	7.3	7.0	6.7	6.0	4.8	5.0	7.0	7.0	8.0	7.0	5.8	6.6	5.0	6.2	7.0		
20	3471010252	Tr nh V Nĩ h Ho o ng	Phúc	5.34	TB	71				6.0	4.7		5.7	4.9	5.9	5.0	8.0	7.0	7.0	6.0	4.8	2.9	5.0	5.3	6.6		
21	3471010254	Nguy n Ng c	Ph ng	6.17	TB khá	84				5.0	8.2	6.8	6.3	7.4	5.0	7.0	8.0	6.0	7.0	6.0	5.2	5.5	5.0	7.0	7.0		
22	3471010264	Nguy n Th Ći	Quyên	6.46	TB khá	83				6.0	7.2	6.5	6.3	7.0	6.2	6.0	7.0	6.0	8.0	9.0	7.9	7.0	5.0	6.2	5.6		
23	3471010335	Nguy n V Nĩ	Tiên	6.80	TB khá	99				6.0	8.5	7.7	7.9	7.7	5.5	7.0	8.0	6.0	7.0	8.0	8.4	7.5	5.0	7.9	7.0		
24	3471010383	H Tu n Anh	Tú	6.44	TB khá	70				5.0	6.1	7.1	6.3	5.7	5.3	7.0	8.0	7.0	8.0	7.0	6.8	6.9	5.0	6.9	6.3		
25	3471010366	Lê Quang	Tuân	6.90	TB khá	100				5.0	6.8		7.3	7.4	6.3	8.0	10	6.0	6.0	8.0	7.9	6.6	6.0	7.6	7.0	8.0	
26	3471010380	Nguy n Kh c	Tùng	6.88	TB khá	100				6.0	5.8		7.1	7.1	6.6	6.0	9.0	7.0	8.0	8.0	5.6	5.9	5.0	6.9	6.2	8.6	
27	3471010417	Nguy n Ng c	Tùng	6.56	TB khá	100				5.0	5.1		7.8	6.4	5.3	6.0	9.0	9.0	8.0	8.0	6.1	5.5	5.6	5.2	9.1	8.4	
28	3471010355	Tr n Th o nh	Trung	5.98	TB	99				5.0	4.1		7.4	5.7	5.0	7.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	5.1	4.0	7.6	5.6	8.3	

TRUNG BÌNH KHÁ	21	75.00%
TRUNG BÌNH	2	7.14%
Y U	2	7.14%
KÉM	0	0%

TP.HCM, ngày 5 tháng 9 năm 2013

TR NG KHOA

TP. ã ì O T O

HI U TR NG